BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013946 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12508.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888:1999 with amendment 1:2003) (b) (d)	< 10 CFU /g	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013947 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12509.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Độc tố ruột của tụ cầu (Staphylococcal enterotoxins)	HD.PP.19.02/TT.VS	Âm tính /25g	06/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013948 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 219

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12510.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	*Salmonella spp.*	HD.PP.10.02/TT.VS (AOAC 967.27) (b) (d)	Không phát hiện /25g	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 013949 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12511.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	*Escherichia coli*	HD.PP.02.04/TT.VS (AOAC 991.14, TCVN 9975:2013) (b) (d)	< 10 CFU /g	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 013950 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12512.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	*Listeria monocytogenes*	HD.PP.09.03/TT.VS (TCVN 7700-2:2007) (d)	< 10 CFU /g	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013951 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12513.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013952 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12514.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Antimon (Sb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 013953 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12515.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013954 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12516.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013955 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 219

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12517.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	02/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013956 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12518.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	03/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013957 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12519.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	07/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 013959/VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12521.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	04/07/2020
2	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	04/07/2020
3	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	04/07/2020
4	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/07/2020
5	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	02/07/2020
6	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	03/07/2020
7	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	02/07/2020
8	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	04/07/2020
9	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	09/07/2020
10	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	02/07/2020

Mã số mẫu: 12521.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
11	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	09/07/2020
12	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	02/07/2020
13	Clortetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	05/07/2020
14	Oxytetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	05/07/2020
15	Tetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	05/07/2020
16	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/07/2020
17	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/07/2020
18	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/07/2020
19	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	02/07/2020
20	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	02/07/2020
21	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	02/07/2020
22	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/07/2020
23	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	02/07/2020
24	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/07/2020
25	Sulfadimidin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	02/07/2020
26	Diminazen	Ref. J.AOAC,Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	02/07/2020
27	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	08/07/2020
28	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	08/07/2020

Mã số mẫu: 12521.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
29	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/07/2020
30	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/07/2020
31	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/07/2020
32	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/07/2020
33	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	02/07/2020
34	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	08/07/2020
35	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/07/2020
36	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/07/2020
37	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	02/07/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 014411 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12948.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 08/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	11/07/2020
2	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	11/07/2020
3	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
4	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	11/07/2020
5	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
6	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
7	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
8	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/07/2020
9	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	11/07/2020
10	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	11/07/2020
11	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
12	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020

Mã số mẫu: 12948.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
14	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
15	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	11/07/2020
16	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
17	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	14/07/2020
18	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
19	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	10/07/2020
20	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
21	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
22	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
23	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
24	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
25	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
26	Quinoxyfen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
27	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
28	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
29	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
30	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
31	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
32	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
33	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	11/07/2020
34	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	10/07/2020
35	Methomyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
36	Oxamyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020

Mã số mẫu: 12948.20

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 -07- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 014410 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12949.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 08/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	10/07/2020
2	Diazinon	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	10/07/2020
3	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0001 mg/kg	11/07/2020
4	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	10/07/2020
5	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	10/07/2020
6	Fenvalerate	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	10/07/2020
7	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	10/07/2020
8	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	10/07/2020
9	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	10/07/2020
10	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	10/07/2020
11	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
12	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020

Mã số mẫu: 12949.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	11/07/2020
14	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	11/07/2020
15	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
16	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	10/07/2020
17	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 014409 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12947.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 08 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 08/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	10/07/2020
2	Diclorvos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
3	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	10/07/2020
4	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
5	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	11/07/2020
6	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
7	2,4-D (Dichlorophenoxy)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
8	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
9	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
10	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
11	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	10/07/2020

Mã số mẫu: 12947.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
13	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	11/07/2020
14	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	14/07/2020
15	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,00025 mg/kg	11/07/2020
16	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	11/07/2020
17	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	11/07/2020
18	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	11/07/2020
19	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0002 mg/kg	11/07/2020
20	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
21	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	11/07/2020
22	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
23	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	10/07/2020
24	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
25	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	14/07/2020
26	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
27	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/07/2020
28	Aldicarb	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
29	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020
30	Carbofuran	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/07/2020

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 -07- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 013958 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12520.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **PHÔ MAI - VINAMILK**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-PM-3

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 miếng x 15 g

Ngày nhận mẫu : 01/07/2020

Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	09/07/2020
2	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/07/2020
3	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	04/07/2020
4	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	04/07/2020
5	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	04/07/2020
6	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	09/07/2020
7	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	04/07/2020
8	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	04/07/2020
9	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	04/07/2020
10	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	09/07/2020
11	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	08/07/2020
12	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	04/07/2020

Mã số mẫu: 12520.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	09/07/2020
14	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	09/07/2020
15	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	09/07/2020
16	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	09/07/2020
17	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	09/07/2020
18	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	09/07/2020
19	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	04/07/2020
20	Aldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	04/07/2020
21	Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	04/07/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-07-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh